

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HS-ST
Ngày 15-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hòa, giáo viên Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đáng, huyện C;

2/ Ông Phan Trường Khoa, công tác tại Huyện đoàn huyện C.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoản là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tọa lạc tại khóm 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2018/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

- *Bị cáo thứ nhất:* **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1997 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 và bà Ngô Thị Ngọc A, sinh năm 1964. Anh chị em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1996. Tiền sự và tiền án: không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2018, đến ngày 06/6/2018 tạm giam.

- *Bị cáo thứ hai:* **Cao Văn N**, sinh ngày 11/3/2000 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Khóm 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972. Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 2006. Tiền sự và tiền án: không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2018, đến ngày 06/6/2018 tạm giam.

- *Bị cáo thứ ba:* **Nguyễn Hoài T**, sinh ngày 27/5/1999 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Hồng C1, sinh năm 1979. Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 2006. Tiền sự và tiền án: không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2018, đến ngày 06/6/2018 tạm giam.

- *Bị cáo thứ tư: **Lò Thanh S***, sinh ngày 21/3/2001 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lò Văn C2, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị Tr1. Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 1998. Tiền sự và tiền án: không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2018, đến ngày 06/6/2018 tạm giam.

- *Bị cáo thứ năm: **Nguyễn Hoàng Tr***, sinh ngày 06/7/2001 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 và bà Dương Thị Bé T1, sinh năm 1977. Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 2009. Tiền sự và tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2018, đến ngày 06/6/2018 tạm giam.

Người giám sát cho bị cáo Lò Thanh S và bị cáo Nguyễn Hoàng Tr:

1/ Ông Lò Văn C2, sinh năm 1973 (cha của bị cáo Lò Thanh S) (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

2/ Bà Dương Thị Bé T1, sinh năm 1977 (mẹ của bị cáo Nguyễn Hoàng T) (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Thanh S và bị cáo Nguyễn Hoàng Tr:

Lạt sư Lâm Khắc S – do Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh cử đến, bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (có mặt)

Người bị hại: Ông Võ Văn Ph, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng C1, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh

2/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: Khóm 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

3/ Bà Ngô Thị Ngọc A, sinh năm 1964; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 15 phút, ngày 27/5/2018, ông Võ Văn Ph, sinh năm 1964, nơi cư trú ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh điện thoại rủ T đi chơi (đi quan hệ tình dục đồng tính) khi T đang ngồi nói chuyện với Nguyễn Văn H, Cao Văn N, Nguyễn Hoàng Tr và Lò Thanh S. Lúc T đang nghe điện thoại thì H kêu T đưa máy cho H nói chuyện với ông Ph và hẹn đi chơi. Sau khi nghe điện thoại thì H, N, T, S và Tr ngồi kể lại việc mỗi người đi quan hệ tình dục đồng tính với ông Ph, ông Ph trả tiền không đầy đủ, hứa cho điện thoại mà không thực hiện. S nói hẹn ông Ph ra đánh cho bỏ tức, H nói đánh và lấy tiền ông Ph trừ nợ thì N, T, S và Tr đều đồng ý cùng thực hiện. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chở T đi trước vào rước ông Ph, H điều khiển xe mô tô chở Tr, S đi riêng một xe. N chở T đến đầu đường đal giáp hương lộ 31 thuộc ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh gặp Ph. N điều khiển xe chở T ngồi giữa, Ph ngồi sau đi vào đường đal vào ruộng, đi khoảng 01 km thì N dừng xe lại tại đoạn đường đal thuộc ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh và H, S, Tr cũng tới. Lúc này khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, H nói chuyện được vài câu với ông Ph thì dùng tay đánh ông Ph, tiếp đó N dùng tay đánh và lên gối vào người của ông Ph, S thì dùng tay phải kẹp cổ ông Ph giữ chặt, T dùng mũ bảo hiểm đánh, Tr dùng tay đánh. Trong khi kẹp cổ ông Ph thì S dùng tay còn lại đưa vào bên trong túi quần bên trái của ông Ph tìm tài sản nhưng không có, H dùng tay đưa vào bên trong túi quần bên phải của ông Ph lấy được tiền và bỏ vào túi quần của H. Khi đã đánh và lấy được tiền thì H, N, T, S, Tr bỏ ông Ph lại và lên xe tẩu thoát về hướng thị trấn C, huyện C. Khi về đến gốc cây me thuộc khóm 6, thị trấn C, H đưa hết số tiền lấy được cho N giữ. N đếm số tiền lấy được là 2.020.000 đồng cùng 04 tờ vé số, N lấy đưa cho H, Tr, T số tiền 200.000 đồng để đi ăn cháo, uống cà phê, còn N và S lấy tiền đi mua thuốc tân dược ở huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi mua thuốc về, H, N, T, S và Tr tiếp tục lại chỗ gốc cây me pha chế thuốc tân dược cùng sử dụng. Sử dụng thuốc xong, N đem số tiền còn lại ra chia đều mỗi người 350.000 đồng, riêng T là 365.000 đồng. Còn 04 tờ vé số N lấy 02 tờ, chia cho H 02 tờ. Khi chia tiền xong H, N, T, S và Tr đi về nhà. Sau khi sự việc xảy ra, ông Ph trình báo Công an xã M, huyện C.

Tại bản cáo trạng số: 27/VKS-HS, ngày 22 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn N, Nguyễn Hoài T, Lò Thanh Sơn và Nguyễn Hoàng Tr về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn N, Nguyễn Hoài T, Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/5/2018, tại đoạn đường đal giữa đồng thuộc ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Nguyễn Văn H, Cao Văn N, Nguyễn Hoài T, Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr đã có hành vi dùng vũ lực, đánh ông Võ Văn Ph làm ông Ph không có khả năng kháng cự được và chiếm đoạt số tiền là 2.020.000đ. Sau khi lấy được tiền, N đưa cho H, Tr, T số tiền 200.000 đồng để đi ăn cháo, uống nước giải khát, còn N và S lấy tiền đi mua thuốc tân dược cùng nhau sử dụng. Sau đó, N đem số tiền còn lại ra chia đều H, N, S và Tr mỗi người 350.000 đồng, riêng T là 365.000 đồng. Còn 04 tờ vé số thì N giữ 02 tờ và H giữ 02 tờ.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, mặc dù là đồng phạm giản đơn nhưng vai trò của từng bị cáo trong vụ án khác nhau, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự, do bị cáo Lò Thanh Sơn và bị cáo Nguyễn Hoàng Tr là người chưa đủ 18 tuổi áp dụng thêm Điều 91, Điều 101 và Điều 54 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; Cao Văn N và Nguyễn Hoài T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, về tội Cướp tài sản, thời hạn phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giữ.

Ngoài ra, vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đối với bị cáo Lò Thanh S thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr: Vị hoàn toàn thống nhất với bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr theo khoản 01 Điều 168 của Bộ luật hình sự về tội Cướp tài sản. Tuy nhiên, Vị yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là: sau khi phạm tội các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện tác động gia đình khắc phục thiệt hại cho người bị hại và nộp số tiền còn lại; người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bản thân các bị cáo nhất thời phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự và tại thời điểm phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi, nên nhận thức còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình có phần đơn chiếc, khó khăn. Bị cáo Lò Thanh S thuộc diện hộ nghèo. Đề nghị giảm mức án thấp nhất cho các bị cáo Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo, người giám sát cho bị cáo Lò Thanh S, Nguyễn Hoàng Tr và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận. Người bào chữa cho bị cáo Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr tranh luận, do hai bị cáo phạm tội chưa đủ 18 tuổi và có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, đề nghị cho hai bị cáo S và Tr hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Cao Văn N, bị cáo Nguyễn Hoài T, bị cáo Lò Thanh S và bị cáo Nguyễn Hoàng Tr xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét

xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người giám sát, người bào chữa cho bị cáo Lò Thanh S, Nguyễn Hoàng Tr, người bị hại và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra của Công an huyện C. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1]. Lời nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn N, Nguyễn Hoài T, Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xảy ra sự việc và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn N, Nguyễn Hoài T, Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, vật nuôi, tư trang, tiền bạc,... là do quá trình lao động một nắng hai sương mới có được. Các bị cáo là những thanh niên khỏe mạnh, có đủ sức khỏe để lao động, tạo ra nguồn thu nhập hợp pháp để phục vụ cho nhu cầu sống của bản thân và gia đình, nhưng các bị cáo lại không lo chí thú làm ăn, thực hiện hành vi dùng vũ lực đánh người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại tên Võ Văn Ph với số tiền 2.020.000đ và 04 tờ vé số kiến thiết trị giá 40.000đ và bỏ mặt cho người bị hại đem khuya, trong đồng ruộng.

Hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn nhưng thể hiện vai trò của từng bị cáo khác nhau. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H là người khởi xướng, rủ các bị cáo còn lại cùng trực tiếp thực hiện hành vi đánh, lấy tài sản của người bị hại. Do đó bị cáo H là người giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Cao Văn N và bị cáo Nguyễn Hoài T là người giữ vai trò thực hiện một cách rất tích cực như đi đón người bị hại chở vào đường đal trong đồng, cả hai đánh nhiều cái vào cơ thể người bị hại, bị cáo N là người phân chia tiền sau khi cùng đồng bọn chiếm đoạt được tài sản. Bị cáo Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr vai trò giúp sức cùng thực hiện phạm tội.

[3]. Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tư lợi nên các bị cáo đã cố ý phạm tội.

[4] Tình hình cướp tài sản trên địa bàn huyện C thời gian gần đây xảy ra liên tục trên các tuyến đường nhựa và đường giao thông nông thôn, gây bức xúc trong Nhân dân. Ngoài hành vi thực hiện tội phạm, các bị cáo là những người đã từng sử dụng ma túy hoặc thuốc tân dược gây nghiện. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của từng bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục các bị cáo, răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn N, Nguyễn Hoài T và Nguyễn Hoàng Tr đã tác động gia đình khắc phục thiệt hại tài sản cho người bị hại; Bị cáo Lò Thanh S, Nguyễn Hoàng Tr và Nguyễn Hoài T nộp lại số tiền còn lại do chiếm đoạt; người bị hại có phần lỗi trong vụ án và có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bản thân các bị cáo nhất thời phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr tại thời điểm phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi: bị cáo Lò Thanh S được 17 năm 02 tháng 06 ngày tuổi, bị cáo Nguyễn Hoàng Tr được 16 năm 10 tháng 21 ngày tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo có phần đơn chiếc, khó khăn, bị cáo Lò Thanh S thuộc diện hộ nghèo. Bị cáo Nguyễn Hoài T ông nội tên Nguyễn Văn K và ông ngoại tên Trần Thành T là thương binh; bà ngoại của bị cáo Cao Văn N tên Phạm Thị Đ là thương binh. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Đối với bị cáo Lò Thanh S và Nguyễn Hoàng Tr được hưởng chính sách pháp luật hình sự theo Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự cho người phạm tội chưa đủ 18 tuổi.

Do đó, ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm bào chữa của vị luật sư cho bị cáo Lò Thanh S và bị cáo Nguyễn Hoàng Tr được Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình. Cho hai bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự là không phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, là “hai bị cáo không chấp hành tốt quy định của pháp luật là nhiều lần sử dụng ma túy hoặc thuốc tân dược gây nghiện”

- *Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, người giám sát cho bị cáo Lò Thanh S, Nguyễn Hoàng Tr, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bị hại ông Võ Văn Ph đã tự nguyện thỏa thuận là ông Ph được nhận và sử dụng toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả là 2.895.000đ (*Hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C quản lý.

- *Về vật chứng:* Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- 01 (một) Nón bảo hiểm màu đen viền nón làm bằng da màu nâu có chữ YAMAHA LOAN THANH BINH Hotline 0907253525 và 01 (một) Điện thoại

di động hiệu Vivo màn hình cảm ứng là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội, tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

- *Về án phí:* Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn N, Nguyễn Hoài T và Nguyễn Hoàng Tr chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Lò Thanh S thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Cướp tài sản*”.

- Căn cứ: khoản 01 Điều 168, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 28/5/2018.

2. Tuyên bố bị cáo Cao Văn N phạm tội “*Cướp tài sản*”.

- Căn cứ: khoản 01 Điều 168, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 28/5/2018.

3. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

- Căn cứ: khoản 01 Điều 168, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 28/5/2018.

4. Tuyên bố bị cáo Lò Thanh S phạm tội “*Cướp tài sản*”.

- Căn cứ: khoản 01 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Thanh S 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 28/5/2018.

5. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Tr phạm tội “*Cướp tài sản*”.

- Căn cứ: khoản 01 Điều 168, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Tr 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 28/5/2018.

6. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: giữa các bị cáo và người bị hại, người giám sát cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện thỏa thuận xong, không đặt ra yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

Số tiền 2.895.000đ (*Hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) theo các biên lai số: 0008801; 0008802; 0008803; 0008150, ngày 21/6/2018 và biên lai số 0008829, ngày 24/7/2018 do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C thu được giao cho ông Võ Văn Ph quản lý sử dụng.

7. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước: 01 (một) Nón bảo hiểm màu đen viền nón làm bằng da màu nâu có chữ YAMAHA LOAN THANH BINH Hotline 0907253525 và 01 (một) Điện thoại di động hiệu Vivo màn hình cảm ứng.

8. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Cao Văn N, bị cáo Nguyễn Hoài T và bị cáo Nguyễn Hoàng Tr, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lò Thanh S thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo, người giám sát và người bào chữa cho bị cáo Lò Thanh Sơn, bị cáo Nguyễn Hoàng Trí, người bị hại và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mến